

水泥机械轴承系列

DÒNG SẢN PHẨM VÒNG BI CHO MÁY MÓC XI MĂNG



CÔNG TY TNHH BEJAKO VIỆT NAM

Địa chỉ: Liên kè 103 Lacasta, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội

Website: www.bejako.vn

Email: ngocthanh@bejako.vn

SĐT: 0899.555.355

集团简介

- 始建于1938年，是中国轴承工业的发源地。始终专注聚焦轴承主业并不断发展壮大，已成为中国轴承行业排头兵企业，世界轴承行业排名前十位。
- 并购德国百年历史科技型轴承企业KRW公司；在国内外建有9大制造基地，拥有全资、控股、参股子公司31家；按不同行业及区域划分21个销售机构。
- 拥有ZWZ和KRW两大轴承品牌，采用ISO国际标准，可生产内径20毫米至外径16米十大类、各种精度等级的20000多种规格轴承产品，产品主要应用于轨道交通、汽车车辆、风电新能源、钢铁机械、水泥机械、工程机械、精密机械、传动机械、轻工机械和特种领域。
- 拥有国家科技部批准建立的国家大型轴承工程技术研究中心及国家级企业技术中心和通过国家CNAS认可轴承检测试验中心；在德国·施韦因福特及美国·底特律建有海外研发中心；与全球顶尖科技公司共建联合实验室；拥有仿真计算、材料研究、润滑研发、精密检测等8大技术创新平台。
- 营销服务网络覆盖全球40多个国家和地区，为全球超过20000个客户提供旋转解决方案。
- 荣获中共中央授予全国先进基层党组织；中华全国总工会授予全国五一劳动奖状及中国工业经济联合会授予中国工业大奖表彰奖；获得国家技术创新示范企业及首批国家知识产权优势企业等荣誉。



- Được thành lập vào năm 1938, là nơi khai sinh ra ngành công nghiệp vòng bi của Trung Quốc. Tập trung chủ yếu vào công nghiệp vòng bi và không ngừng phát triển mạnh mẽ, trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành vòng bi của Trung Quốc, đứng trong top 10 ngành vòng bi thế giới.
- Sáp nhập và mua lại KRW, một công ty vòng bi dựa trên công nghệ của Đức có lịch sử hàng trăm năm; đã xây dựng 9 nhà máy sản xuất trong và ngoài nước, có 31 công ty con thuộc sở hữu hoàn toàn, nắm giữ cổ phần và góp vốn; 21 cơ sở bán hàng được phân chia theo ngành và khu vực khác nhau.
- Sở hữu hai thương hiệu vòng bi lớn là ZWZ và KRW, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế ISO, có thể sản xuất các 10 loại vòng bi có đường kính từ 20mm đến đường kính 16 mét với hơn 20.000 thông số kỹ thuật ở các cấp độ chính xác khác nhau, sản phẩm chủ yếu được ứng dụng trong ngành vận tải đường sắt ô tô, năng lượng mới điện gió, máy sấy thép, máy xi măng, máy móc công trình, máy móc chính xác, máy móc truyền tải, máy móc công nghiệp nhẹ và các lĩnh vực đặc biệt khác.
- Tập đoàn có Trung tâm nghiên cứu công nghệ vòng bi cỡ lớn quốc gia và 01 Trung tâm công nghệ doanh nghiệp cấp quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, 01 Trung tâm thử nghiệm và kiểm định vòng bi được CNAS công nhận; thành lập các Trung tâm R&D ở nước ngoài tại Schweinfurt (Đức) và Detroit (Hoa Kỳ); đã thiết lập quan hệ đặc biệt với các Công ty Công nghệ hàng đầu thế giới cùng xây dựng Phòng thí nghiệm chung; có 08 nền tảng đổi mới công nghệ lớn bao gồm tính toán mô phỏng, nghiên cứu vật liệu, nghiên cứu và phát triển dầu bôi trơn và kiểm định chính xác.
- Mạng lưới dịch vụ marketing bao phủ hơn 40 quốc gia và khu vực trên thế giới, cung cấp giải pháp cho hơn 20.000 khách hàng trên toàn cầu.
- Được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trao tặng Tổ chức Đảng Cơ sở tiên tiến toàn quốc; được Liên đoàn Công đoàn Trung Quốc trao Giấy chứng nhận Lao động nhân Ngày Quốc tế Lao động và Giải thưởng Công nghiệp Toàn quốc của Liên đoàn Kinh tế và Công nghiệp Trung Quốc; được trao giải Doanh nghiệp Thổi tắt Đám cháy Công nghệ Quốc gia và là doanh nghiệp đầu tiên có vị thế sở hữu trí tuệ cấp quốc gia.



水泥机械轴承系列

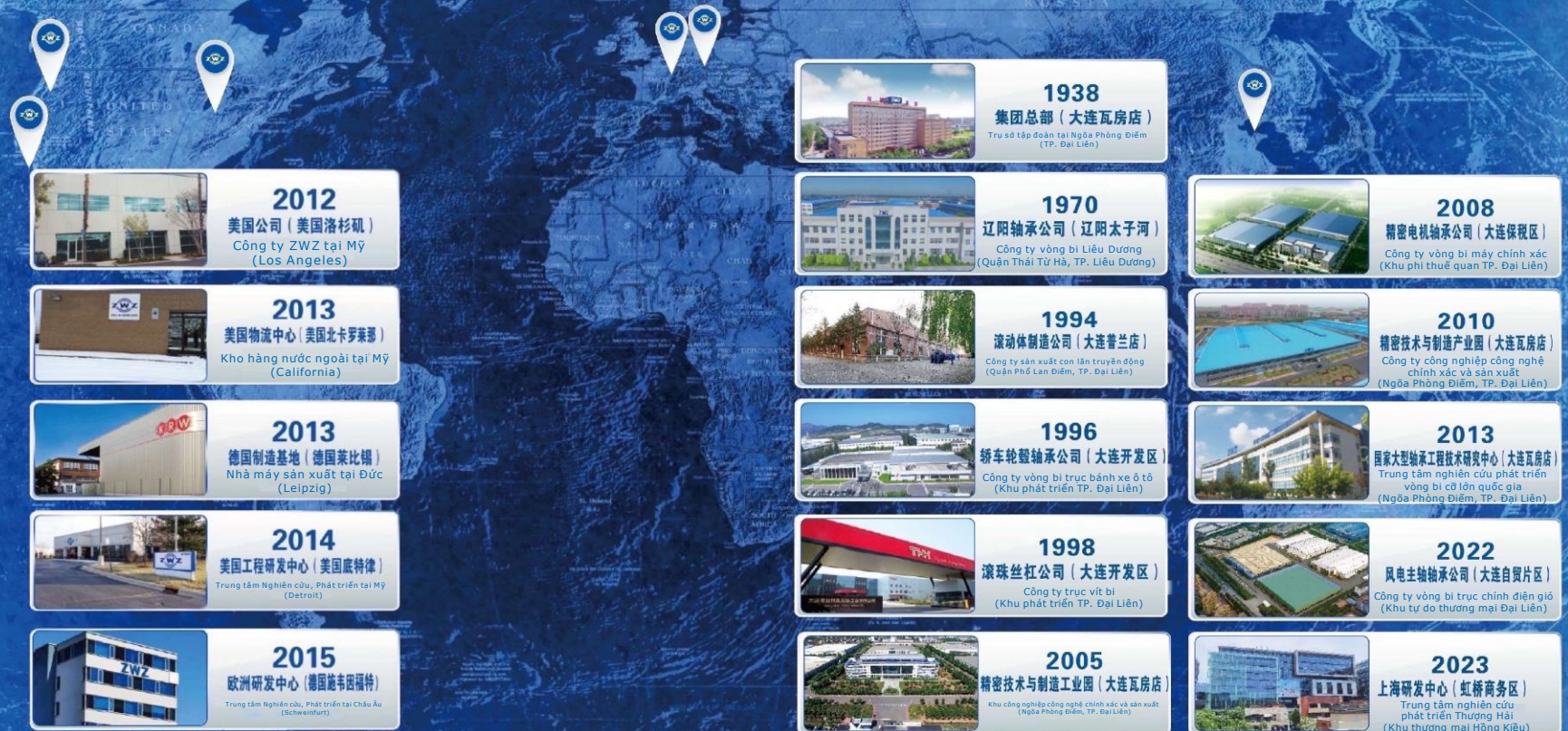
依托瓦轴集团国家大型轴承工程技术研究中心、美国研发中心、欧洲研发中心以及上海研发中心，以大型精密重载高速轴承的设计研发、理论研究、材料研究、检测实验为主要研究方向，以提高产品精度、性能、寿命、可靠性为主要目标，致力于开发高精度、高速度、低振动、低摩擦、低扭矩、高可靠性及长寿命的轴承产品。

DÒNG SẢN PHẨM VÒNG BI CHO MÁY MÓC XI MĂNG

Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Vòng bi cỡ lớn Quốc gia, Trung tâm R&D tại Hoa Kỳ, Trung tâm R&D tại châu Âu và Trung tâm R&D Thượng Hải tập trung vào nghiên cứu, phát triển thiết kế, lý thuyết, vật liệu và kiểm định, thử nghiệm các sản phẩm vòng bi tốc độ cao chịu tải nặng chính xác cỡ lớn, lấy việc nâng cao độ chính xác, tính năng, tuổi thọ và độ tin cậy của sản phẩm là mục tiêu chính, nỗ lực phát triển các sản phẩm vòng bi có độ chính xác cao, tốc độ cao, độ rung thấp, ma sát thấp, mô-men xoắn thấp, có độ tin cậy và tuổi thọ cao.

全球企业布局

BỔ CỤC DOANH NGHIỆP TRÊN TOÀN CẦU



全球研发平台

NỀN TẢNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU



技术交流共享平台

新技术、研发成果、计算软件、行业动态、知识库

Nền tảng giao lưu, chia sẻ công nghệ

Công nghệ mới, thành quả nghiên cứu, phần mềm máy tính, xu hướng công nghiệp, kho tri thức



国家大型轴承工程技术研究中心

- 中国·瓦房店
- 产品研发、共性应用技术研发、检测试验、技术援助

Trung tâm nghiên cứu công nghệ vòng bi cỡ lớn quốc gia

- Ngõa Phòng Điểm, Trung Quốc
- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm và công nghệ ứng dụng chung, kiểm định, thử nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật



美国研发中心

- 美国·底特律
- 以小型圆锥滚子轴承、小型圆柱滚子轴承、小型深沟球轴承的研发与检测试验为主

Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển tại Hoa Kỳ

- Tp. Detroit, Hoa Kỳ
- Chủ yếu nghiên cứu, phát triển, kiểm định và thử nghiệm các loại vòng bi: vòng bi con lăn chóp nón nhỏ, vòng bi con lăn trụ tròn, vòng bi cầu rãnh sâu nhỏ



欧洲研发中心

- 德国·施韦因福特
- 以工业装备轴承、风电轴承为主要研究方向

Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển tại châu Âu

- Tp. Schweinfurt, Đức
- Hướng nghiên cứu chủ yếu là vòng bi thiết bị công nghiệp và vòng bi điện gió

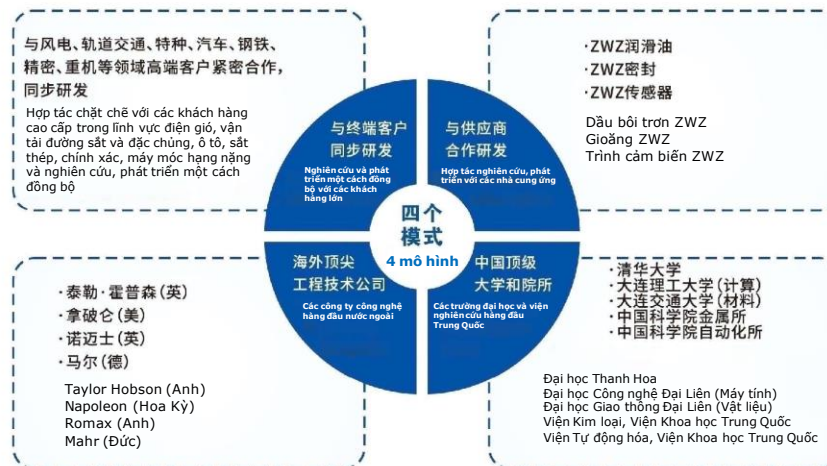


上海研发中心

- 中国·上海
- 重点研发风电、汽车、精密、水泥、冶金、传动等轴承领域

Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Thượng Hải

- Tp. Thượng Hải, Trung Quốc
- Trọng điểm nghiên cứu, phát triển các loại vòng bi trong ngành điện gió, ô tô, chính xác, xi măng, luyện kim, truyền động



顶尖技术合作

HỢP TÁC VỚI CÁC NHÀ CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU



2017年与全球传动系统仿真计算领导者英国诺迈士合作共建“全球轴承联合仿真技术中心”，充分借鉴双方在各自领域的领先优势，为轴承研发仿真计算提供全球最前沿的技术支撑。

Năm 2017, hợp tác với Nomax của Anh, công ty hàng đầu thế giới về tính toán mô phỏng hệ thống truyền động toàn cầu để xây dựng Trung tâm công nghệ mô phỏng vòng bi toàn cầu, với những ưu thế của mỗi bên trong lĩnh vực của mình đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật tiên tiến nhất thế giới cho các tính toán mô phỏng trong nghiên cứu và phát triển vòng bi.



2017年与拥有百年历史的全球顶尖精密测量解决方案提供者英国泰勒·霍普森合作共建“联合实验室”，作为泰勒·霍普森在中国境内首次与轴承企业合作的第一个联合实验室，标志着实验室将拥有国际领先水平的轴承精密检测技术。

Năm 2017, hợp tác với Taylor-Hopson của Anh - nhà cung cấp giải pháp đo lường chính xác hàng đầu thế giới có lịch sử hàng trăm năm để xây dựng “Phòng thí nghiệm chung”, đây là phòng thí nghiệm chung đầu tiên giữa Taylor-Hopson với một công ty vòng bi của Trung Quốc, điều này đánh dấu việc phòng thí nghiệm sẽ sở hữu công nghệ kiểm định vòng bi chính xác hàng đầu thế giới.

给料机机械轴承 VÒNG BI MÁY CẤP LIỆU



给料机轴承

轴承特点

抗震耐磨，性能稳定可靠
寿命要求9000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸给料机设备

轴承类型

调心滚子轴承

Vòng bi máy cấp liệu

Đặc điểm

Chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 9.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại thiết bị máy cấp liệu có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm



VÒNG BI MÁY NGHIỀN 破碎机械轴承



反击破轴承

轴承特点

抗震耐磨，性能稳定可靠
寿命要求15000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸反击破

轴承类型

调心滚子轴承

Vòng bi máy nghiền phản kích

Đặc điểm

Chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 15.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại máy nghiền phản kích có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm



颚式破碎机轴承

轴承特点

抗震耐磨，性能稳定可靠
寿命要求15000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸破碎机

轴承类型

调心滚子轴承

Vòng bi máy nghiền hàm

Đặc điểm

Chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 15.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại máy nghiền có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm



输送机轴承 VÒNG BI MÁY MÓC VẬN CHUYỂN



托辊与滚筒轴承

轴承特点

抗震耐磨，性能稳定可靠，
长寿命，低摩擦

轴承配套范围

各尺寸托辊与滚筒支撑

轴承类型

调心滚子轴承、深沟球轴承

Vòng bi trục đệm, tang trống

Đặc điểm

Chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định,
tin cậy, tuổi thọ cao, độ ma sát thấp

Phạm vi ứng dụng

Các loại trục đệm, giá đỡ trống có kích thước
khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm, vòng bi cầu rãnh sâu



输送机轴承

轴承特点

抗震耐磨，性能稳定可靠，
寿命要求9000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸输送机设备

轴承类型

调心滚子轴承、
圆锥滚子轴承、
深沟球轴承

Vòng bi máy vận chuyển

Đặc điểm

Chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định,
tin cậy, tuổi thọ hơn 9000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại thiết bị máy vận chuyển có kích
thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm,
vòng bi con lăn hình chóp nón,
vòng bi cầu rãnh sâu



减速机齿轮箱轴承

轴承特点

低速重载，抗震耐磨，
性能稳定可靠

轴承配套范围

各类各尺寸减速机配套

轴承类型

角接触球轴承，圆柱滚子轴承，
圆锥滚子轴承

Vòng bi bộ bánh răng máy giảm tốc

Đặc điểm

Tốc độ thấp, tải trọng nặng, chống rung,
chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin
cậy

Phạm vi ứng dụng

Các loại máy giảm tốc có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi cầu tiếp xúc góc, vòng bi con lăn trụ
tròn, vòng bi con lăn hình chóp nón



堆取料机轴承

轴承特点

承受轴向、径向、倾覆力
矩的联合载荷；寿命长；
性能稳定可靠

轴承配套范围

各类各尺寸堆取料机

轴承类型

回转支承

Vòng bi máy thu hồi và xếp chồng

Đặc điểm

Chịu tải trọng và sự kết hợp của mômen
hướng trục, hướng tâm và lật, tuổi thọ
cao, hiệu suất ổn định, tin cậy

Phạm vi ứng dụng

Các loại máy thu hồi và xếp chồng có kích thước
khác nhau

Chủng loại

Vòng bi xoay



制砂机机械轴承 VÒNG BI MÁY LÀM CÁT



制砂机机械轴承

轴承特点

抗震耐磨；转速高；
性能稳定可靠；
寿命要求15000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸制砂机

轴承类型

圆柱滚子轴承；深沟球轴承



Vòng bi máy làm cát

Đặc điểm

Chống rung, chống mài mòn, tốc độ cao, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 15.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại máy làm cát có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn trụ tròn, vòng bi cầu rãnh sâu

VÒNG BI MÁY SÀNG 筛选机械轴承



振动电机轴承

轴承特点

高转速；低温升；长寿命；耐振动

轴承配套范围

各功率振动电机主轴

轴承类型

圆柱滚子轴承

Vòng bi động cơ rung

Đặc điểm

Tốc độ cao, sinh nhiệt thấp, tuổi thọ cao, chống rung

Phạm vi ứng dụng

Các loại trục động cơ rung có công suất khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn trụ tròn



振动筛轴承

轴承特点

重载；高速；抗震耐磨；
能稳定可靠；寿命要求
9000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸振动筛设备

轴承类型

调心滚子轴承

Vòng bi màn hình rung

Đặc điểm

Tải trọng lớn, tốc độ cao, chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 9.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại thiết bị màn hình rung có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm



VÒNG BI MÁY NGHIỀN TRỰC ĐỨNG 立磨机械轴承

轴承特点

低速重载；抗震耐磨；
寿命要求5000小时

轴承配套范围

磨盘尺寸：2.0米-6.0米

料的类型：生料磨；熟料磨；

矿渣磨；煤磨；钢渣

技术流派：川崎；羽部；莱歇；

史密斯；伯利休斯；非凡

磨辊形状：锥辊磨；轮胎辊磨

磨辊数量：三辊磨；四辊磨；

两主辊磨与两辅辊磨、四主辊磨

轴承类型

圆柱滚子轴承；圆锥滚子轴承

特点

Tải trọng lớn, tốc độ thấp, chống rung, chống mài mòn,
tuổi thọ trên 5.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Kích thước đĩa mài: 2.0-6.0 mét

Loại nguyên liệu: nghiền nguyên liệu thô, nghiền clinker,
nghiền xỉ, nghiền than, xỉ thép

Trường kỹ thuật: Kawasaki, UBE, Loesche, Polysius, Pfeiffer

Hình dạng con lăn nghiền: chóp nón, hình lõp xe

Số lượng con lăn nghiền: 3 con lăn; 4 con lăn; 2 con lăn
chính và 2 con lăn phụ, 4 con lăn chính

Chủng loại

Vòng bi con lăn trụ tròn, vòng bi con lăn chóp nón



Vòng bi máy nghiền lọc bụi

立磨选粉机轴承

轴承特点

高转速；高可靠性；
寿命30000小时以上

轴承配套范围

各类选粉机和选粉装置

轴承类型

调心滚子轴承；四列接触球轴承

特点

Tốc độ cao, độ tin cậy cao, tuổi
thọ trên 30.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại thiết bị lọc bụi và máy lọc bụi

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng
tâm, vòng bi cầu tiếp xúc
4 dãy



球磨机轴承系列 DÒNG SẢN PHẨM VÒNG BI MÁY NGHIỀN HÌNH CẦU



球磨机轴承系列

轴承特点

低速重载；抗震耐磨；
寿命要求30000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸球磨机配套

轴承类型

调心滚子轴承

Vòng bi máy nghiền hình cầu

Đặc điểm

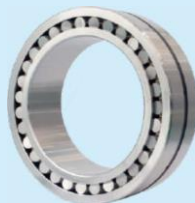
Tốc độ thấp, tải trọng lớn, chống
rung, chống mài mòn, tuổi thọ
trên 30.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại tay máy nghiền hình cầu có kích
thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm



立磨摇臂轴承系列 DÒNG SẢN PHẨM VÒNG BI TAY MÁY NGHIỀN TRỤC ĐỨNG

立磨摇臂轴承系列

轴承特点

低速重载；抗震耐磨；
性能稳定可靠；
寿命要求30000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸立磨摇臂配套

轴承类型

调心滚子轴承

Dòng sản phẩm vòng bi tay máy nghiền trục đứng

Đặc điểm

Tốc độ thấp, tải trọng lớn, chống
rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn
định, tin cậy, tuổi thọ trên 30.000
giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại tay máy nghiền trục
đứng có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm



回转窑轴承 VÒNG BI LÒ QUAY



回转窑轴承

轴承特点

低速重载；抗震耐磨；
性能稳定可靠；
寿命要求30000小时以上

轴承配套范围

各类各尺寸的回转窑

轴承类型

调心滚子轴承



Vòng bi lò quay

Đặc điểm

Tốc độ thấp, tải trọng lớn, chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 30.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Các loại lò quay có kích thước khác nhau

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm

辊压机轴承 VÒNG BI MÁY ÉP CON LĂN

辊压机轴承

轴承特点

低速重载；抗震耐磨；
性能稳定可靠；
寿命要求30000小时以上

轴承配套范围

辊径1.2米—3米的所有系列

轴承类型

调心滚子轴承；推力调心滚子轴承；
四列圆柱滚子轴承

Vòng bi máy ép con lăn

Đặc điểm

Tốc độ thấp, tải trọng lớn, chống rung, chống mài mòn, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 30.000 giờ

Phạm vi ứng dụng

Máy ép con lăn có đường kính từ 1,2 - 3 mét

Chủng loại

Vòng bi con lăn hướng tâm, Vòng bi con lăn hướng tâm đẩy, vòng bi con lăn trụ tròn 2 dãy



磨煤及提升机械轴承 VÒNG BÌ MÁY NGHIÊN THAN VÀ MÁY NÂNG



磨煤及提升机械轴承

轴承特点
可靠性要求高;
寿命要求30000小时以上
轴承配套范围
各类各尺寸提升设备
轴承类型
调心滚子轴承

Vòng bi máy nghiền than và máy nâng

Đặc điểm
Độ tin cậy cao, tuổi thọ trên 30.000 giờ
Phạm vi ứng dụng
Các loại thiết bị nâng có kích thước khác nhau
Chủng loại
Vòng bi con lăn hướng tâm



磨煤机轴承

轴承特点
抗震耐磨, 性能稳定可靠
寿命要求30000小时以上
轴承配套范围
各类各尺寸磨煤机
轴承类型
调心滚子轴承; 圆柱滚子轴承

Vòng bi máy nghiền than

Đặc điểm
Chống rung, hiệu suất ổn định, tin cậy, tuổi thọ trên 30.000 giờ
Phạm vi ứng dụng
Các loại máy nghiền than có kích thước khác nhau
Chủng loại
Vòng bi con lăn hướng tâm, vòng bi con lăn trụ tròn



1. 提供高可靠性的技术解决方案 Cung cấp giải pháp kỹ thuật với độ tin cậy cao

计算标准	Tính toán tiêu chuẩn	代表项目	Dự án tiêu biểu
● GL 2016 ● AGMA 6006-A3 ● ISO 281-2007 ● ISO 16281-2008TS ● ISO 76-2006		● 国内知名大型水泥厂磨机轴承项目 ● 国内知名大型火电厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型水电站磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型煤矿磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型钢铁厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型化工厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型造纸厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型纺织厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型食品厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型医药厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型电子厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型汽车厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型船舶厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型航空航天厂磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型军工企业磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型科研机构磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型高等院校磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型医院磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型政府机关磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型企事业单位磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型社会团体磨煤机轴承项目 ● 国内知名大型个人用户磨煤机轴承项目	
计算软件	Phần mềm	设计支持	Hỗ trợ thiết kế
● ROMAX ● Ansys ● ABAQUS ● Solidworks		● 设计支持 ● 寿命评估 ● 精度控制 ● 应力分布 ● 刚度优化 ● 局部结构优化	● 设计支持 ● 寿命评估 ● 精度控制 ● 应力分布 ● 刚度优化 ● 局部结构优化

2. 全生命周期质量管控 Kiểm soát chất lượng toàn bộ chu trình

